

Số: 53 /2017/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 05 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định tạm thời mức giá tối đa dịch vụ
sử dụng đường bộ các dự án đầu tư xây dựng đường bộ
để kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ hướng dẫn Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2016 của UBND tỉnh ban hành Quy chế soạn thảo, lấy ý kiến, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh Bình Phước trình và ban hành;

Thực hiện Kế hoạch số 266/KH-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2016 của UBND tỉnh về việc xây dựng, thẩm định phương án giá các dịch vụ chuyển phí sang giá trên địa bàn tỉnh Bình Phước;



Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ Trình số 132/TTr-GTVT ngày 20 tháng 11 năm 2017, kèm theo Văn bản thẩm định của Sở Tư pháp số 253/BC-STP ngày 23 tháng 10 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tạm thời mức giá tối đa dịch vụ sử dụng đường bộ các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bình Phước do địa phương quản lý.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Tài chính, Tư pháp; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên chiụ trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, GTVT;
- Cục KTVB (Bộ Tư pháp);
- TT. Tỉnh uỷ, TT. HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Như điều 3;
- LĐVP, P. KT, TH,
Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lưu: VT.

14

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN ^{lc}
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Trâm

QUY ĐỊNH

Tạm thời mức giá tối đa dịch vụ sử dụng đường bộ các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bình Phước
(Ban hành kèm theo Quyết định số 53 /2017/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh Bình Phước)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định tạm thời mức giá tối đa dịch vụ sử dụng đường bộ các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bình Phước do địa phương quản lý.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc người được chủ sở hữu giao quyền chiếm hữu, sử dụng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ (sau đây gọi chung là chủ phương tiện).
2. Nhà đầu tư, Doanh nghiệp các dự án xây dựng đường bộ để kinh doanh.
3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích một số từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ được giải thích như sau:

1. Phương tiện giao thông đường bộ (sau đây gọi tắt là phương tiện) bao gồm phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và xe máy chuyên dùng.
2. Dịch vụ sử dụng đường bộ là việc các phương tiện tham gia giao thông trên đường bộ được đầu tư để kinh doanh.
3. Trạm thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ (sau đây gọi tắt là trạm) là nơi thực hiện việc thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ đối với phương tiện tham gia giao thông.
4. Nhà đầu tư là các tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động đầu tư các dự án xây dựng, nâng cấp, cải tạo đường bộ để kinh doanh.
5. Doanh nghiệp dự án là doanh nghiệp do Nhà đầu tư thành lập để thực hiện dự án.

6. Đơn vị thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ (sau đây gọi là đơn vị thu) là Nhà đầu tư, Doanh nghiệp dự án hoặc đơn vị được Nhà đầu tư, Doanh nghiệp dự án ủy quyền, giao nhiệm vụ thực hiện việc bán, kiểm soát vé.

Điều 4. Đối tượng và chủ phương tiện phải thanh toán giá dịch vụ sử dụng đường bộ

1. Phương tiện sử dụng dịch vụ đường bộ thuộc đối tượng thanh toán giá dịch vụ sử dụng đường bộ bao gồm phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và xe máy chuyên dùng.

2. Chủ phương tiện thuộc đối tượng thanh toán giá dịch vụ sử dụng đường bộ quy định tại khoản 1 Điều này phải thanh toán giá dịch vụ sử dụng đường bộ, trừ các trường hợp quy định tại Điều 5 của Quy định này.

Điều 5. Đối tượng miễn giá sử dụng dịch vụ đường bộ

1. Xe cứu thương; các loại xe khác đang chở người bị tai nạn đến nơi cấp cứu.

2. Xe cứu hỏa.

3. Xe máy nông nghiệp, lâm nghiệp gồm: máy cày, máy bừa, máy xới, máy làm cỏ, máy tuốt lúa.

4. Xe hộ đê; xe đang làm nhiệm vụ khẩn cấp phòng chống lụt bão theo điều động của cấp có thẩm quyền.

5. Xe chuyên dùng phục vụ quốc phòng

a) Xe tăng, xe bọc thép, xe kéo pháo, xe chở lực lượng vũ trang đang hành quân;

b) Các phương tiện cơ giới đường bộ mang biển số: nền màu đỏ, chữ và số màu trắng dập chìm (dưới đây gọi chung là biển số màu đỏ) có gắn các thiết bị chuyên dụng cho quốc phòng (không phải là xe vận tải thùng rỗng) như: công trình xa, cầu nâng, tời, tổ máy phát điện. Riêng xe chở lực lượng vũ trang đang hành quân được hiểu là xe ô tô chở người có từ 12 chỗ ngồi trở lên, xe ô tô tải có mui che và được lắp đặt ghế ngồi trong thùng xe, mang biển số màu đỏ (không phân biệt có chở quân hay không chở quân).

6. Xe chuyên dùng phục vụ an ninh bao gồm các loại xe quy định tại điểm a khoản 5 Điều này và các loại xe của lực lượng công an (Bộ Công an, Công an tỉnh, thành phố, thị xã, Công an quận, huyện):

a) Xe ô tô tuần tra kiểm soát giao thông của cảnh sát giao thông có đặc điểm: Trên nóc xe ô tô có đèn xoay và hai bên thân xe ô tô có in dòng chữ: “CẢNH SÁT GIAO THÔNG”;

- b) Xe ô tô cảnh sát 113 có in dòng chữ: “CẢNH SÁT 113” ở hai bên thân xe;
- c) Xe ô tô cảnh sát cơ động có in dòng chữ “CẢNH SÁT CƠ ĐỘNG” ở hai bên thân xe;
- d) Xe ô tô của lực lượng công an đang thi hành nhiệm vụ sử dụng một trong các tín hiệu ưu tiên theo quy định của pháp luật trong trường hợp làm nhiệm vụ khẩn cấp;
- đ) Xe ô tô vận tải có mui che và được lắp ghế ngồi trong thùng xe chở lực lượng công an làm nhiệm vụ;
- e) Xe đặc chủng chở phạm nhân, xe cứu hộ, cứu nạn.

7. Đoàn xe đưa tang.

8. Đoàn xe có xe hộ tống, dẫn đường.

9. Xe ô tô của lực lượng công an, quốc phòng sử dụng vé “Phí đường bộ toàn quốc” theo quy định của Bộ Tài chính về thu phí sử dụng đường bộ.

10. Xe làm nhiệm vụ vận chuyển thuốc men, máy móc, thiết bị, vật tư, hàng hóa đến những nơi bị thảm họa hoặc đến vùng có dịch bệnh theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp khi có thảm họa lớn, dịch bệnh nguy hiểm.

11. Xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe hai bánh gắn máy, xe ba bánh gắn máy.

Điều 6. Điều kiện thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ

Đường bộ được tổ chức thực hiện thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ phải có đủ các điều kiện sau đây:

1. Hoàn thành việc xây dựng, nâng cấp công trình đường bộ theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Hoàn thành các công trình phụ trợ phục vụ việc thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ, đầy đủ các loại vé thu, bộ máy tổ chức thu và kiểm soát vé.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ GIÁ, VÉ DỊCH VỤ SỬ DỤNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 7. Mức giá tối đa cho dịch vụ sử dụng đường bộ

1. Mức giá tối đa cho một lần sử dụng dịch vụ đường bộ là mức thu tối đa quy định cho các loại phương tiện tại khoản 1 Điều 4 của Quy định này (mức giá đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này.

2. Mức giá tối đa tháng là mức thu tối đa cho dịch vụ sử dụng đường bộ khi phương tiện tham gia giao thông qua trạm trong thời gian 30 ngày. Mức giá tối đa tháng được tính bằng 30 (ba mươi) lần mức giá tối đa quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Mức giá tối đa quý là mức thu tối đa cho dịch vụ sử dụng đường bộ khi phương tiện tham gia giao thông qua trạm trong thời gian 90 ngày. Mức giá tối đa quý được tính bằng 3 (ba) lần mức giá tối đa tháng và chiết khấu 10%

4. Mức giá tối đa trừ dần là mức thu tối đa cho dịch vụ sử dụng đường bộ khi phương tiện tham gia giao thông được trừ dần mỗi lần qua trạm.

5. Khi các yếu tố hình thành giá trong nước có biến động ảnh hưởng đến phương án tài chính của dự án thì sẽ được Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh mức giá tối đa trên nguyên tắc tuân thủ các quy định của pháp luật về giá.

Điều 8. Mức giá cụ thể cho dịch vụ sử dụng đường bộ

Mức giá cụ thể cho dịch vụ sử dụng đường bộ đối với từng dự án được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền và Nhà đầu tư, Doanh nghiệp dự án thống nhất tại Hợp đồng dự án trên nguyên tắc không vượt mức giá tối đa quy định tại khoản 1 Điều 7 của Quy định này.

Điều 9. Vé thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ

1. Vé thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ áp dụng đối với phương tiện tham gia giao thông qua trạm, bao gồm: vé lượt, vé tháng và vé quý.

a) Vé lượt được in mệnh giá theo mức thu cho một lần sử dụng dịch vụ tương ứng với từng phương tiện;

b) Vé tháng được phát hành theo thời hạn 30 ngày kể từ ngày có giá trị sử dụng và được in sẵn mệnh giá theo mức thu tháng quy định tương ứng với từng phương tiện. Vé tháng dùng để thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ đối với phương tiện tham gia giao thông qua trạm trong thời hạn cụ thể ghi trên vé kể từ ngày có giá trị sử dụng vé đến ngày kết thúc theo thời hạn cụ thể ghi trên vé;

c) Vé quý được phát hành theo thời hạn 90 ngày kể từ ngày có giá trị sử dụng và được in mệnh giá theo mức thu quý quy định tương ứng với từng phương tiện. Vé quý dùng để thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ đối với phương tiện tham gia giao thông qua trạm trong thời hạn cụ thể ghi trên vé kể từ ngày có giá trị sử dụng vé quý đến ngày kết thúc theo thời hạn cụ thể ghi trên vé.

2. Vé lượt bán theo phương tiện tương ứng với mệnh giá in trên vé, không ghi biển số phương tiện.

3. Vé tháng, vé quý bán theo phương tiện tương ứng với mệnh giá ghi trên vé, phải thể hiện rõ thời hạn sử dụng và biển số phương tiện. Vé tháng, vé quý phải sử dụng đúng trạm và thời hạn ghi trên vé.

Điều 10. Quản lý vé thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ

1. Việc in, phát hành, quản lý và sử dụng vé thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

2. Vé thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ phát hành cho trạm thu nào thì chỉ có giá trị sử dụng tại trạm thu đó.

3. Khi mua vé tháng, vé quý, người mua phải xuất trình giấy chứng nhận đăng ký phương tiện (bản chính hoặc bản sao) để mua vé theo mức thu tương ứng với loại phương tiện và tải trọng thiết kế của phương tiện.

4. Vé đã bán ra thì không được hoàn trả lại tiền hoặc đổi trừ tiền phải nộp của phương tiện khác (trừ trường hợp trạm bị dừng thu theo quyết định của nhà đầu tư hoặc cơ quan có thẩm quyền).

5. Vé thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ vừa là chứng từ kiểm soát khi phương tiện đi qua trạm, vừa là chứng từ thanh toán.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh Quyết định ban hành Quy định chính thức về giá tối đa dịch vụ sử dụng đường bộ các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bình Phước để thay thế Quyết định này trong năm 2018 cho phù hợp với quy định của pháp luật;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn các Nhà đầu tư thực hiện giá dịch vụ sử dụng đường bộ đối với từng dự án, đồng thời có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ của các đơn vị thu và báo cáo UBND tỉnh theo đúng quy định của pháp luật.

2. Đơn vị thu có trách nhiệm:

a) Thực hiện thông báo công khai, niêm yết các thông tin về mức giá, đối tượng thanh toán giá dịch vụ sử dụng đường bộ, đối tượng miễn giá dịch vụ sử dụng đường bộ tại nơi bán vé và trạm thu theo quy định của pháp luật;

b) Tổ chức các điểm bán vé thuận tiện cho chủ phương tiện và tránh ùn tắc giao thông; bán kịp thời, đầy đủ các loại vé cho mọi đối tượng có nhu cầu sử dụng dịch vụ;



c) Thực hiện thu, kê khai, nộp, quản lý, sử dụng tiền bán vé theo quy định của pháp luật;

d) Chấp hành các quy định về thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật về quản lý giá, giao thông đường bộ và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 12. Các nội dung khác

1. Các nội dung khác liên quan đến việc thu; quản lý, sử dụng, chứng từ thu, công khai số thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ không quy định tại Quy định này được thực hiện theo hướng dẫn tại Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn liên quan.

2. Trong quá trình thực hiện Quy định nếu có vướng mắc hoặc có vấn đề phát sinh, đề nghị cơ quan, đơn vị có văn bản phản ánh về Sở Giao thông vận tải Bình Phước tổng hợp, tham mưu đề xuất UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn và quy định của pháp luật hiện hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN ^{ke}
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Trâm

PHỤ LỤC

BIỂU GIÁ TỐI ĐA CHO DỊCH VỤ SỬ DỤNG ĐƯỜNG BỘ

TT	Phương tiện	Mức giá tối đa (đồng/vé/lượt)
1	Xe dưới 12 ghế ngồi, xe tải có tải trọng dưới 2 tấn; các loại xe buýt vận tải khách công cộng.	40.000
2	Xe từ 12 ghế ngồi đến 30 ghế ngồi; xe tải có tải trọng từ 2 tấn đến dưới 4 tấn.	50.000
3	Xe từ 31 ghế ngồi trở lên; xe tải có tải trọng từ 4 tấn đến dưới 10 tấn.	70.000
4	Xe tải có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 18 tấn; xe chở hàng bằng container 20 feet (6,1m).	120.000
5	Xe tải có tải trọng từ 18 tấn trở lên; xe chở hàng bằng container 40 feet (12,2m).	180.000

